

*“Chính sách dân tộc nhằm giảm nghèo  
và phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc và miền núi:  
Kết quả thực hiện giai đoạn 2005-2013  
và nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2020”*

**VÕ VĂN BẢY,  
VỤ TRƯỞNG, CHÁNH VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI CHƯƠNG TRÌNH 135,  
ỦY BAN DÂN TỘC**

**Thái Nguyên, 06/2014**

## 1. *Khái quát đặc điểm kinh tế, xã hội vùng dân tộc và miền núi:*

- Chiếm 3/4 diện tích tự nhiên của Việt Nam,
- Địa bàn sinh sống 54 dân tộc, trong đó có 53 dân tộc thiểu số với trên 13 triệu người, chiếm 14,28% dân số cả nước.
- Thuận lợi: tập trung tài nguyên, khoáng sản và tiềm năng lớn về du lịch, thủy điện, điều kiện khí hậu nhiều tiểu vùng thuận lợi cho việc phát triển nông, lâm nghiệp và chăn nuôi.
- Khó khăn, thách thức:
- ✓ Địa hình vùng dân tộc và miền núi rất phức tạp, hiểm trở, thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ lụt.

## 1. *Khái quát đặc điểm kinh tế, xã hội vùng dân tộc và miền núi (tiếp):*

- ✓ Vùng dân tộc và miền núi: lõi nghèo của Việt Nam
  - Đồng bào dân tộc thiểu số dù chỉ chiếm khoảng 14% dân số nhưng lại chiếm gần 50% số người nghèo toàn quốc.
  - Thu nhập bình quân của hộ dân tộc thiểu số chỉ bằng 1/6 thu nhập bình quân của cả nước.
  - Tập trung các xã đặc biệt khó khăn của cả nước: 2.331 xã

## ***2. Thực hiện một số chính sách dân tộc chủ yếu nhằm giảm nghèo và phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2005-2013***

**2.1. Chức năng của Ủy ban Dân tộc trong công tác giảm nghèo và phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc và miền núi:**

- Ủy ban Dân tộc là cơ quan ngang Bộ của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong phạm vi cả nước.
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ là Phó Trưởng Ban Chỉ đạo của Chính phủ thực hiện các Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 và Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020.

## *2.1. Chức năng của Ủy ban Dân tộc trong công tác giảm nghèo và phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc và miền núi (tiếp):*

- Xây dựng tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi:
- ✓ Tổng cộng 1.871 xã KV1, 1.031 xã KV 2, 2.068 xã KV 3 và 18.280 thôn đặc biệt khó khăn.
- ✓ Đây là căn cứ để xây dựng, thực hiện các chính sách đầu tư phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của từng vùng, từng khu vực.

## **2. Thực hiện một số chính sách dân tộc chủ yếu nhằm giảm nghèo và phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2005-2013 (tiếp)**

2. 2. Một số chính sách chủ yếu do Ủy ban Dân tộc quản lý:

- ✓ *Chương trình 135.*
- ✓ *Hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn.*
- ✓ *Hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư.*
- ✓ *Hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.*
- ✓ *Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long*
- ✓ *Cho vay vốn đối với hộ đồng bào DTTS để phát triển sản xuất*
- ✓ *Cấp ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc và miền núi và miền núi*
- ✓ *Hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội cho 5 dân tộc Si La, Pu Péo, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm (có dân số dưới 1.000 người)*

### *3. Đánh giá kết quả giai đoạn 2005-2013:*

#### 3.1. Kết quả đạt được:

- Tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh, tỷ lệ đói nghèo giảm bình quân 3 - 5%/năm:
- ✓ 2006, tỷ lệ hộ nghèo bình quân tại các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn trên 47%; nhiều các thôn, bản đặc biệt khó khăn trên 80%; cá biệt có xã, thôn, bản tỷ lệ hộ nghèo 100%.
- ✓ 2010: tỷ lệ hộ nghèo ở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn đã giảm xuống còn 28,8%.
- ✓ 2013: địa bàn Tây Nguyên, tỷ lệ nghèo 12,56% (cả nước 7,80%), cận nghèo 6,93% (cả nước 6,32%).



### *3. 1. Kết quả đạt được (tiếp)*

- Chuyển biến rõ nét về cơ sở hạ tầng, năm 2012:
  - ✓ 97,42% số xã đã có đường ô tô đến trung tâm xã;
  - ✓ hơn 80% thôn bản thuộc xã đặc biệt khó khăn có đường giao thông đến đường trục;
  - ✓ hơn 84% số xã đặc biệt khó khăn có điện lưới quốc gia đến trung tâm xã, với gần 70% số hộ được dùng điện,
  - ✓ 100% số xã có trường tiểu học, trung học cơ sở,
  - ✓ 100% số xã có trạm y tế xã...
  - ✓ 98,7% số xã có bưu điện văn hóa



### *3. 1. Kết quả đạt được (tiếp)*

- Cơ chế chính sách đã từng bước thay đổi về quan điểm, tư duy:
- ✓ Từ cơ chế nặng về áp đặt chuyển sang cơ chế phân cấp mạnh cho địa phương trên cơ sở công khai, minh bạch trong công tác xây dựng và lập kế hoạch,
- ✓ Từ hỗ trợ trực tiếp cho hộ chuyển dần sang hỗ trợ cho cộng đồng, nhóm hộ,
- ✓ Từ cho không chuyển sang mô hình cho vay.

## 3.2. Những hạn chế chủ yếu

- Thời gian, nguồn lực thực hiện chưa tương xứng với mục tiêu.
- Một số chính sách chồng chéo, trùng lặp về đối tượng, địa bàn, nội dung.
- Tỷ lệ nghèo đói nhiều khu vực vùng dân tộc và miền núi còn ở mức rất cao, cách biệt trong phát triển ngày càng tăng: năm 2013 tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của khu vực miền núi Tây Bắc là 38,78 %, miền núi Đông Bắc là 24,54%, Bắc Trung Bộ là 24,28%, đều hơn khoảng 2 đến 3 lần so với mức trung bình 14,12% của cả nước

### *3.3. Bài học kinh nghiệm*

- Sự quyết tâm cao và thống nhất của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, sự chủ động tham gia của người dân.
- Sự tham gia và hỗ trợ của các đối tác phát triển.

### 3.3. Bài học kinh nghiệm (tiếp)

- Chương trình 135 giai đoạn II (2006-2010): một bài học thành công.
- ✓ Thu hút nhiều nhà tài trợ quốc tế (Ngân hàng Thế giới, Ai Len, Phần Lan, Ôxtrâylia, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh , Liên minh Châu Âu, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc).
- ✓ Cơ chế hợp tác: Ban đối tác
- ✓ Hỗ trợ ngân sách (Ngân hàng Thế giới, Ai Len, Phần Lan, Ôxtrâylia, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh , Liên minh Châu Âu: 367 triệu USD).
- ✓ Hỗ trợ kỹ thuật: Phần Lan, Ai Len, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (10 triệu Euro)
- ✓ Đột phá trong cách tiếp cận và thực hiện: xã làm chủ đầu tư, bình đẳng giới, lồng ghép về bảo vệ môi trường, sự tham gia của người hưởng lợi, giám sát đầu tư, duy tu, bảo dưỡng công trình...
- ✓ Chương trình 135 giai đoạn 2011-2015: Ai Len hỗ trợ ngân sách (khoảng 26 triệu Euro), Ai Len và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc hỗ trợ kỹ thuật.

## 5. *Nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2020*

- Nghị định về công tác dân tộc.
- Chiến lược công tác dân tộc.
- Hành động chính sách tại Diễn đàn quan hệ đối tác phát triển

## 5. Nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2020 (tiếp)

1. Rà soát các chính sách giảm nghèo dân tộc thiểu số hiện hành, đề xuất hướng sửa đổi, thiết kế lại bảo đảm hài hòa, thống nhất, hạn chế sự phân tán và tăng cường tính gắn kết và hòa nhập của cộng đồng dân tộc thiểu số.
2. Tăng cường năng lực tổ chức và phân bổ nguồn lực cho việc giám sát dựa vào kết quả, tính nhạy cảm về giới và hòa nhập và đảm bảo tính giải trình trong các chính sách dân tộc.
3. Xây dựng chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc và miền núi.
4. Tổ chức đối thoại chính sách ở các cấp độ và đối tác khác nhau, với các nhóm dễ bị tổn thương nhất ở vùng dân tộc và miền núi.
5. Áp dụng rộng rãi cách tiếp cận ‘phát triển cộng đồng dựa trên nội lực’ (tiềm năng, thế mạnh) của cộng đồng.

## 5. *Nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2020 (tiếp)*

6. Tăng cường vai trò và năng lực tham mưu của các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong quá trình xây dựng các chiến lược và chính sách quốc gia về vấn đề dân tộc thiểu số.
7. Tìm kiếm các nhân tố tiên phong trong giảm nghèo, xác định kênh lan tỏa để từ đó có những giải pháp chính sách cụ thể nhằm nhân rộng các 'điểm sáng' giảm nghèo trong cộng đồng dân tộc thiểu số.
8. Xây dựng và thực hiện đề án phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số đến năm 2020.
9. Tăng cường năng lực cho nhóm yếu thế người dân tộc thiểu số.



## 6. Giải pháp

- Chủ trì, phối kết hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành trong việc hoạch định, xây dựng, phân bổ ngân sách và hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc.
- Mong muốn hợp tác với các đối tác phát triển trong hoạch định, xây dựng, phân bổ ngân sách và hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc với hình thức hợp tác đa dạng (hỗ trợ ngân sách, hỗ trợ kỹ thuật, nghiên cứu mô hình hợp tác mới...)



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN